

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - NGHỆ AN**
Bản án số: 25/2025/DS-ST
Ngày: 27-09-2025.

V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - NGHỆ AN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Xuân Thọ - Thẩm phán.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Tường.
2. Bà Nguyễn Thị Nhàn.

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Hà – Thư ký, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Nghệ An tham gia phiên tòa:
Bà Phan Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 27/09/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 94/2025/TLST-DS ngày 15 tháng 05 năm 2025 về việc “tranh chấp về thừa kế tài sản” theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 49/2025/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 09 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh Đ, sinh năm 1970 (có mặt).

Nơi cư trú: K, thị trấn H, huyện Y, tỉnh Nghệ An (nay là K, xã Y, tỉnh Nghệ An).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Sỹ T, sinh năm 1989 (có mặt) và chị Hoàng Thị L (xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Xóm N, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An (nay là xóm N, xã Y, tỉnh Nghệ An).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- 1) Bà Nguyễn Thị Thanh C, sinh năm 1945 (xin vắng mặt).

Nơi cư trú: số A T, quận Đ (cũ), TP Hà Nội.

- 2) Chị Trần Thị Mai P, sinh năm 1972 (xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Chung cư G X, quận B (cũ), TP Hà Nội;

- 3) Anh Trần Đăng L1, sinh năm 1974 (xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Số nhà A K, phường T, quận Đ (cũ), TP Hà Nội;

- 4) Anh Trần Đăng A, sinh năm 1980 (xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Ngõ C Đ, phường L, quận B (cũ), Hà Nội.

- 5) Bà Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 1954 (có mặt).

Nơi cư trú: xóm L, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An (nay là xóm L, xã Y, tỉnh Nghệ An).

6) Bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1957 (có mặt).

Nơi cư trú: Xóm N, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An (nay là xóm N, xã Y, tỉnh Nghệ An).

7) Anh Nguyễn Sĩ H, sinh năm 1983 (có mặt).

Nơi cư trú: Xóm N, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An (nay là xóm N, xã Y, tỉnh Nghệ An).

8) Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1985 (có mặt).

Nơi cư trú: Xóm N, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An (nay là xóm N, xã Y, tỉnh Nghệ An).

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị L2 (là mẹ đẻ).

9) Ông Nguyễn Sỹ T1, sinh năm 1965 (có mặt).

Nơi cư trú: Xóm N, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An (nay là xóm N, xã Y, tỉnh Nghệ An).

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Thanh C (là chị C1).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Q và ông T1: Bà Tạ Thị A1
- Trợ giúp viên pháp lý của Chi nhánh số 1 thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 02 năm 2025 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thanh Đ trình bày:

Ông Nguyễn Đăng K (mất ngày 27/07/2005) và bà Phan Thị Q1 (mất ngày 07/03/1996) là vợ chồng đã ly hôn năm 1984. Sinh ra 06 người con gồm:

1) Bà Nguyễn Thị Thanh C, sinh năm 1945, trú tại: số nhà A T, quận Đ, TP Hà Nội.

2) Bà Nguyễn Thị Thanh C2, sinh năm 1949 (mất ngày 28/02/1987), trú tại: quận Đ, TP Hà Nội. Có 03 người con là:

- Chị Trần Thị Mai P, sinh năm 1972, trú tại: Chung cư G X, quận B, TP Hà Nội.

- Anh Trần Đăng L1, sinh năm 1974, trú tại: số nhà A K, phường T, quận Đ, TP Hà Nội.

- Anh Trần Đăng A, sinh năm 1980, trú tại: ngõ C, Đ, L, quận B, TP Hà Nội.

3) Bà Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 1953, trú tại: xóm L, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

4) Ông Nguyễn Sĩ H1, sinh năm 1960 (mất ngày 03/09/2019), trú tại: xóm N, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Có vợ và 03 con là:

- Vợ: Bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1957, trú tại: xóm N, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

- Con: Anh Nguyễn Sỹ H2, sinh năm 1983, trú tại: xóm N, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

- Con: Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1985, trú tại: xóm N, xã Đ, huyện Y,

tỉnh Nghệ An.

- Con: Anh Nguyễn Sỹ T, sinh năm 1989, trú tại: xóm N, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

5) Ông Nguyễn Sỹ T1, sinh năm 1965, trú tại: xóm N, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

6) Bà Nguyễn Thị Thanh Đ, sinh năm 1970, trú tại: K, thị trấn H, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

Ông K, bà Q1, bà C2 và ông H1 đều không có con riêng, con nuôi; không có bố mẹ nuôi.

Bố đẻ của bà Q1 là ông Phan Văn T2 (mất ngày 22/01/1954).

Mẹ đẻ của bà Q1 là bà Nguyễn Thị N (mất ngày 20/10/1938).

Khoảng năm 1984 ông K và bà Q1 ly hôn, sau khi ly hôn bà Q1 tạo dựng được tài sản là quyền sử dụng 292m² đất (200 m² đất ở; 92 m² đất vườn) tại thửa đất số 612, vị trí: xóm V, xã N (nay là Đ), huyện Y, tỉnh Nghệ An. Nay theo bản đồ địa chính là thửa đất số 671, tờ bản đồ số 08, diện tích 304m², vị trí: xóm V, xã N (nay là Đ), huyện Y, tỉnh Nghệ An. Đã được UBND huyện Y cấp GCNQSD đất số I 112119 ngày 12/09/1996 mang tên bà Phan Thị Q1.

Tứ cận: phía tây giáp đường xóm, phía đông giáp ông Nguyễn Thọ T3, phía nam giáp đường, phía bắc giáp ông Phan Văn L3.

Đất không có tranh chấp với các hộ liền kề.

Bà Q1 cùng vợ con anh H1 và các Cháu (Hoạt, T, Q), ông T1, bà Đ ở trên thửa đất số 612.

Đến năm 1991 bà Đ đi lấy chồng, khoảng năm 2018 gia đình ông H1 (Bố, Mẹ, và các con cùng anh T1) chuyển đến nhà ông K (Bố) đẻ ở.

Đến năm 2019 anh Nguyễn Sỹ T (con ông H1 cưới vợ) anh em cho vợ chồng anh Nguyễn Sỹ T và chị Hoàng Thị L mượn nhà của bà Q1 trên thửa đất số 612 để ở và thắp hương cho bà Q1 (Các bên không làm thủ tục giấy tờ gì cả).

Trước khi chết, bà Q1 không để lại di chúc. Bà C2 và ông H1 chết cũng không để lại di chúc.

Bà Q1 chết để lại thửa đất số 612 và 03 gian nhà trên, 02 gian nhà dưới, công trình phụ nhưng hiện nay 03 gian nhà trên, 02 gian nhà dưới, công trình phụ đã hư hỏng nên anh em tháo dỡ xây lại công trình mới.

Bà Q1 không vay nợ ai.

Nay Bà yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế của bà Phan Thị Q1 để lại là quyền sử dụng thửa đất số 612, diện tích 292 m² (nay theo bản đồ địa chính là thửa đất số 671, tờ bản đồ số 08, diện tích 304 m²), vị trí: xóm V (nay xóm N) xã N (nay xã Đ), huyện Y, tỉnh Nghệ An theo quy định của pháp luật.

Đối với tài sản gắn liền thửa đất Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phần thừa kế của Bà thì Bà xin được nhận.

Theo bản tự khai ngày 10 tháng 06 năm 2025 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Nguyễn Sỹ T, chị Hoàng Thị L trình bày:

Anh, Chị nhất trí như lời trình bày của bà Đ về các hàng thừa kế, di sản bà Q1 để lại và quá trình quản lý sử dụng di sản như sau.

Năm 1984 ông K và bà Q1 ly hôn, sau khi ly hôn bà Q1 tạo dựng được tài sản là quyền sử dụng 292m2 đất (200 m2 đất ở; 92 m2 đất vườn) tại thửa đất số 612, vị trí: xóm V, xã N (nay là Đ), huyện Y, tỉnh Nghệ An. Nay theo bản đồ địa chính là thửa đất số 671, tờ bản đồ số 08, diện tích 304m2, vị trí: xóm V, xã N (nay là Đ), huyện Y, tỉnh Nghệ An. Đã được UBND huyện Y cấp GCNQSD đất số I 112119 ngày 12/09/1996 mang tên bà Phan Thị Q1.

Từ cận: phía tây giáp đường xóm, phía đông giáp ông Nguyễn Thọ T3, phía nam giáp đường, phía bắc giáp ông Phan Văn L3.

Đất không có tranh chấp với các hộ liền kề.

Bà Q1 cùng ông T1, bà Đ và gia đình nhà A2 sử dụng. Năm 1991 bà Đ đi lấy chồng, ngày 07/03/1996 bà Q1 chết thì gia đình bố mẹ A2 cùng ông T1 quản lý, sử dụng di sản của bà Q1.

Năm 2018 gia đình bố mẹ Anh là ông H1, bà L2, anh T, anh H2, chị Q cùng ông T1 chuyển đến nhà ông K (ông nội) để ở.

Đến năm 2019 Anh kết hôn với chị L nên anh em cho vợ chồng A2 mượn nhà của bà Q1 để ở và thắp hương cho bà Q1 (Các bên không làm thủ tục giấy tờ gì cả).

Bà Q1 chết không để lại di chúc. Ông H1 chết cũng không để lại di chúc.

Bà Q1 chết để lại thửa đất số 612 và 03 gian nhà trên, 02 gian nhà dưới, công trình phụ nhưng hiện nay 03 gian nhà trên, 02 gian nhà dưới, công trình phụ đã hư hỏng nên anh em tháo dỡ xây lại công trình mới.

Bà Q1 không vay nợ ai.

Nay bà Đ yêu cầu chia di sản của bà Q1 để lại là thửa đất số 671, tờ bản đồ số 08, diện tích 304 m2, vị trí: xóm V (nay xóm N) xã N (nay xã Đ), huyện Y, tỉnh Nghệ An theo quy định của pháp luật. Thì A2 nhất trí và đề nghị chia theo pháp luật.

Vợ chồng Anh không yêu cầu trích trả chi phí quản lý di sản; phần thừa kế của A thì Anh xin được nhận và tặng cho anh H2. Tài sản gắn liền thửa đất giao cho anh H2 sở hữu.

Theo bản tự khai ngày 10 tháng 06 năm 2025 và quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Anh Nguyễn Sỹ H2 trình bày:

Anh đã nghe lời trình bày của bà Đ và hoàn toàn nhất trí lời trình bày của bà Đ về quan hệ nhân thân, hàng thừa kế và di sản của bà Q1 để lại là số 612, diện tích 292 m2 (nay theo bản đồ địa chính là thửa đất số 671, tờ bản đồ số 08, diện tích 304 m2) có địa chỉ tại xóm V (nay xóm N) xã N (nay xã Đ), huyện Y, tỉnh Nghệ An.

Năm 2019 cho Anh T sử dụng nhà bà Q1 nhưng để thắp hương thôi, chứ không sử dụng.

Nay bà Đ yêu cầu chia di sản của bà Q1 để lại là thửa đất số 671, tờ bản đồ số 08, diện tích 304 m2, vị trí: xóm V (nay xóm N) xã N (nay xã Đ), huyện Y, tỉnh Nghệ An theo quy định của pháp luật. Thì A2 nhất trí và đề nghị chia theo pháp luật.

Phần thừa kế của Anh thì Anh xin được nhận.

Theo bản tự khai ngày 10 tháng 06 năm 2025 và quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị L2 trình bày:

Bà đã nghe lời trình bày của Đ và hoàn toàn nhất trí lời trình bày của bà Đ về quan hệ nhân thân, hàng thừa kế và di sản của bà Q1 để lại là số 612, diện tích 292 m2 (nay theo bản đồ địa chính là thửa đất số 671, tờ bản đồ số 08, diện tích 304 m2) có địa chỉ tại xóm V (nay xóm N) xã N (nay xã Đ), huyện Y, tỉnh Nghệ An.

Năm 2019 cho ông T sử dụng nhà bà Q1 nhưng để thấp hương thôi, chứ không sử dụng.

Nay bà Đ yêu cầu chia di sản của bà Q1 để lại là thửa đất số 671, tờ bản đồ số 08, diện tích 304 m2, vị trí: xóm V (nay xóm N) xã N (nay xã Đ), huyện Y, tỉnh Nghệ An theo quy định của pháp luật. Thì Bà nhất trí và đề nghị Tòa án chia theo pháp luật.

Phần thừa kế của Bà thì Bà xin được nhận và tặng cho anh H2. Tài sản gắn liền thửa đất giao cho anh H2 sở hữu.

Theo bản tự khai ngày 10 tháng 06 năm 2025 và quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Đ1 trình bày:

Bà đã nghe lời trình bày của Đ và hoàn toàn nhất trí lời trình bày của bà Đ về quan hệ nhân thân, hàng thừa kế và di sản của bà Q1 để lại là số 612, diện tích 292 m2 (nay theo bản đồ địa chính là thửa đất số 671, tờ bản đồ số 08, diện tích 304 m2) có địa chỉ tại xóm V (nay xóm N) xã N (nay xã Đ), huyện Y, tỉnh Nghệ An.

Năm 2019 cho ông T sử dụng nhà bà Q1 nhưng để thấp hương thôi, chứ không ở.

Nay bà Đ yêu cầu chia di sản của bà Q1 để lại là thửa đất số 671, tờ bản đồ số 08, diện tích 304 m2, vị trí: xóm V (nay xóm N) xã N (nay xã Đ), huyện Y, tỉnh Nghệ An theo quy định của pháp luật. Thì Bà nhất trí và đề nghị Tòa án chia theo pháp luật.

Phần thừa kế của Bà thì Bà xin được nhận và tặng cho anh H2. Tài sản gắn liền thửa đất giao cho anh H2 sở hữu.

Theo bản tự khai ngày 16 tháng 09 năm 2025 và quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Thanh C trình bày:

Bà đã nghe lời trình bày của Đ và hoàn toàn nhất trí lời trình bày của bà Đ về quan hệ nhân thân, hàng thừa kế và di sản của bà Q1 để lại là số 612, diện tích 292 m2 (nay theo bản đồ địa chính là thửa đất số 671, tờ bản đồ số 08, diện tích 304 m2) có địa chỉ tại xóm V (nay xóm N) xã N (nay xã Đ), huyện Y, tỉnh Nghệ An.

Năm 2019 cho ông T sử dụng nhà bà Q1 nhưng để thấp hương thôi, chứ không ở.

Nay bà Đ yêu cầu chia di sản của bà Q1 để lại là thửa đất số 671, tờ bản đồ số 08, diện tích 304 m2, vị trí: xóm V (nay xóm N) xã N (nay xã Đ), huyện Y, tỉnh Nghệ An theo quy định của pháp luật. Thì Bà nhất trí và đề nghị Tòa án chia theo pháp luật.

Phần thừa kế của Bà thì Bà xin được nhận và tặng cho anh H2. Tài sản gắn liền thửa đất giao cho anh H2 sở hữu.

Theo bản tự khai ngày 11 tháng 09 năm 2025 và quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Mai P1, anh Nguyễn Đăng A3, anh Nguyễn Đăng L4 trình bày:

Chúng tôi đã nghe lời trình bày của bà Đ và hoàn toàn nhất trí lời trình bày của bà Đ về quan hệ nhân thân, hàng thừa kế và di sản của bà Q1 để lại là số 612, diện tích 292 m2 (nay theo bản đồ địa chính là thửa đất số 671, tờ bản đồ số 08, diện tích 304 m2) có địa chỉ tại xóm V (nay xóm N) xã N (nay xã Đ), huyện Y, tỉnh Nghệ An.

Nay bà Đ yêu cầu chia di sản của bà Q1 để lại là thửa đất số 671, tờ bản đồ số 08, diện tích 304 m2, vị trí: xóm V (nay xóm N) xã N (nay xã Đ), huyện Y, tỉnh Nghệ An theo quy định của pháp luật. Thì chúng tôi nhất trí và đề nghị Tòa án chia theo pháp luật.

Phần thừa kế của chúng tôi được hưởng thì chúng tôi xin được nhận và tặng cho anh H2. Tài sản gắn liền thửa đất giao cho anh H2 sở hữu.

Theo biên bản hòa giải và tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Sỹ T1, chị Nguyễn Thị Q và người đại diện hợp pháp của ông T1, chị Q trình bày:

Chúng tôi đã nghe lời trình bày của bà Đ và hoàn toàn nhất trí lời trình bày của bà Đ về quan hệ nhân thân, hàng thừa kế và di sản của bà Q1 để lại là số 612, diện tích 292 m2 (nay theo bản đồ địa chính là thửa đất số 671, tờ bản đồ số 08, diện tích 304 m2) có địa chỉ tại xóm V (nay xóm N) xã N (nay xã Đ), huyện Y, tỉnh Nghệ An.

Nay bà Đ yêu cầu chia di sản của bà Q1 để lại là thửa đất số 671, tờ bản đồ số 08, diện tích 304 m2 theo quy định của pháp luật. Thì chúng tôi nhất trí và đề nghị Tòa án chia theo pháp luật.

Phần thừa kế của chúng tôi được hưởng và hưởng bằng giá trị.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Sỹ T1, chị Nguyễn Thị Q: Bà Tạ Thị A1 trình bày.

Di sản của bà Q1 để lại là số 612, diện tích 292 m2 (nay theo bản đồ địa chính là thửa đất số 671, tờ bản đồ số 08, diện tích 304 m2) có địa chỉ tại xóm V (nay xóm N) xã N (nay xã Đ), huyện Y, tỉnh Nghệ An.

Ông Nguyễn Sỹ T1 là con đẻ của bà Phan Thị Q1, theo quy định tại Điều 651 BLDS thì ông T1 thuộc hàng thừa kế thứ nhất, và có quyền được hưởng một phần di sản như những đồng thừa kế khác. Bà Nguyễn Thị Q là con đẻ của ông Nguyễn Sỹ H3 (là con trai thứ 4 của bà Phan Thị Q1), ông H3 mất năm 2019 và không để lại di chúc. Theo quy định tại Điều 652 về thừa kế thế vị thì bà Nguyễn Thị Q sẽ có quyền hưởng phần di sản mà đáng ra ông Nguyễn Sỹ H3 được nhận, cùng với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khác (gồm vợ và những người con khác của ông H3).

Bởi vậy mà ông Nguyễn Sỹ T1 và bà Nguyễn Thị Q đều có quyền hưởng một phần di sản thừa kế do bà Phan Thị Q1 để lại theo đúng quy định của pháp luật. Nên tôi kính đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông T1 và bà Q và áp dụng các quy định về thừa kế di sản của BLDS 2015 để xem xét và phân chia di sản thừa kế là thửa đất 612 nói trên của bà Phan Thị Q1 theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo tốt nhất cho quyền lợi của ông Nguyễn Sỹ T1 và bà Nguyễn Thị Q.

- Ý kiến người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, công bố việc tuân theo pháp luật tại phiên tòa:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều tuân theo pháp luật của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành theo quy định của pháp luật.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử.

- Về quan hệ hôn nhân: các đương sự đều thống nhất, bà Phan Thị Q1 và ông Nguyễn Đăng K (mất ngày 27/7/2003) là vợ chồng. Đến năm 1984, hai vợ chồng ly hôn. Sau khi ly hôn, bà Q1 không kết hôn với ai cũng như không có con riêng. Tại biên bản xác minh ngày 12/9/2025 tại UBND xã Y thể hiện: Ông Nguyễn Đăng K và bà Phan Thị Q1 cư trú tại xóm V, xã Y không có dữ liệu về đăng ký kết hôn, không có thông tin về việc ly hôn. Sau khi bà Q1 ly hôn thì không có thông tin về việc bà Q1 kết hôn với ai khác cũng như không có thông tin về con riêng.

Như vậy, có căn cứ xác định bà Q1 và ông K tuy là vợ chồng nhưng đã ly hôn từ năm 1984. Bà Q1 không có con riêng cũng như sau khi ly hôn, bà Q1 không kết hôn với ai.

- Xét nguồn gốc đất tranh chấp: Sau khi ly hôn, bà Q1 và các con chuyển đi nơi khác sinh sống. Căn cứ hồ sơ xin cấp đất lần đầu của bà Phan Thị Q1, ngày 12/9/1996, Chủ tịch UBND huyện Y đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 111/QĐ/UB mang tên bà Phan Thị Q2 đối với thửa đất số 612, diện tích 200m² đất ở, 92m² đất vườn (nay là thửa đất số 671, TĐĐ số 8) xóm V, xã N, huyện Y (nay là xóm V, xã Y). Các đương sự cùng đều thống nhất thửa đất này do là của bà Q1 tạo lập nên và sau khi chết, bà Phan Thị Q1 không để lại di chúc.

Như vậy, thửa đất đang tranh chấp thuộc quyền sở hữu của bà Phan Thị Q1. Do đó, bà Nguyễn Thị Thanh Đ yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Phan Thị Q1 là có căn cứ.

+ Về quyền khởi kiện: bà Nguyễn Thị Thanh Đ là con gái ruột của bà Phan Thị Q1 nên bà Đ có quyền khởi kiện chia di sản thừa kế do bà Q1 để lại.

+ Về thời hiệu chia di sản thừa kế: bà Q1 chết ngày 7/3/1996, không để lại di chúc. Thời điểm nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh Đ nộp đơn khởi kiện là ngày 20/3/2025. Căn cứ Điều 623 BLDS năm 2015 thì thời hiệu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản thừa kế của bà Q1 vẫn còn.

+ *Về hàng thừa kế:* ông K và bà Q1 có 6 người con gồm: bà Nguyễn Thị Thanh C, Nguyễn Thị Thanh C2 (mất năm 1987) có 03 con gồm Trần Thị Mai P, Trần Đăng L1, Trần Đăng A; bà Nguyễn Thị Đ1, ông Nguyễn Sĩ H1 (mất năm 2019) có vợ là Nguyễn Thị L2 và 03 người con gồm anh Nguyễn Sỹ H2, Nguyễn Thị Q; Nguyễn Sỹ T; ông Nguyễn Sỹ T1 (khuyết tật đặc biệt nặng) và bà Nguyễn Thị Thanh Đ. Những người thừa kế thống nhất cử anh Nguyễn Sỹ H2 là người đại diện cho ông Nguyễn Sỹ T1.

Căn cứ Điều 651 BLDS năm 2015: Người thừa kế theo pháp luật thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Q1 gồm 6 người con là bà Nguyễn Thị Thanh C, Nguyễn Thị Thanh C2 (03 người con của bà C2 thế vị chung nhau 1 suất thừa kế của bà C2), bà Nguyễn Thị Đ1, ông Nguyễn Sĩ H1 (03 người con của ông H1 thế vị chung nhau 1 suất thừa kế của ông H1); ông Nguyễn Sỹ T1 (khuyết tật đặc biệt nặng) và bà Nguyễn Thị Thanh Đ.

+ *Về di sản thừa kế:* Theo GCN quyền sử dụng đất số vào sổ 111QĐ/UB mang tên bà Phan Thị Q2 đối với thửa đất số 612, diện tích 200m² đất ở, 92m² đất vườn (nay là thửa đất số 671, TĐĐ số 8). Tuy nhiên, tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 13/8/2025 kèm sơ đồ hiện trạng thửa đất thì thửa đất có diện tích là 304m². Như vậy, diện tích thửa đất tăng 12m².

Tại Biên bản xác minh ngày 12/9/2025 tại UBND xã Y cho biết lý do diện tích tăng là sai số do đo đạc. Hiện trạng thửa đất phù hợp với quy hoạch, không có tranh chấp với các hộ liền kề.

+ *Về các tài sản trên đất:* Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 13/8/2025, trên thửa đất có 01 ngôi nhà cấp bốn 03 gian, đồ vè tường xây có da trát, lợp ngói tây, nền lát gạch men; 01 nhà ngang kèm công trình phụ đã cũ; 01 khu vực chăn nuôi đã xuống cấp. Hệ thống tường bao xây tấp lô không da trát, đã cũ. Ngoài ra không có tài sản nào khác. Số tài sản này, do anh em trong gia đình đóng góp để cải tạo, nâng cấp. Các đương sự thống nhất giao toàn bộ tài sản trên đất cho anh Nguyễn Sỹ H2 quản lý.

+ *Về trích công sức quản lý:* Tất cả các đương sự đều thừa nhận, sau khi bà Q1 chết thì gia đình ông H1 tiếp tục sinh sống trên thửa đất. Đến năm 2018, gia đình ông H1 chuyển đến nhà ông Nguyễn Sỹ K1 để ở. Năm 2019, anh Nguyễn Sỹ T lấy vợ thì anh T cũng vợ con chuyển đến ở trên thửa đất. Tuy nhiên, anh H1 sử dụng nhà chỉ để thấp hương, còn anh đi làm ăn xa nên vợ con về bên ngoại ở. Anh H1, anh H2 và bà L2 không yêu cầu tính công sức trông coi nhà nên ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự, không xem xét.

+ *Về phân chia kỹ phần và hiện vật:*

Tại Biên bản hòa giải ngày 16/9/2025 các đương sự có ý kiến như sau:

+ Bà Nguyễn Thị Thanh Đ phân chia di sản thừa kế của bà Phan Thị Q1 để lại là quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên theo quy định của pháp luật. Đối với tài sản gắn liền với đất là 3 gian nhà trên, 2 gian nhà dưới, công trình phụ bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Anh Nguyễn Sỹ T xin được nhận phần thừa kế và tự nguyện tặng cho phần của anh cho anh Nguyễn Sỹ H2, không yêu cầu tính công sức trông coi nhà.

+ Anh Nguyễn Sỹ H2 xin được nhận phần thừa kế, không yêu cầu chia tài sản trên đất.

+ Bà Nguyễn Thị Đ1 xin được nhận, không yêu cầu chia di sản trên đất. Phần của bà thì bà tự nguyện cho ông Nguyễn Sỹ T1.

+ Bà Nguyễn Thị Thanh C xin được nhận phần thừa kế và tự nguyện tặng cho anh Nguyễn Sỹ H2.

+ Anh Trần Đăng A, Trần Đăng L1, Trần Mai P xin được nhận phần thừa kế và tự nguyện tặng cho anh Nguyễn Sỹ H2.

Và tất cả các đương sự nhất trí giao tài sản trên đất cho anh H2 sở hữu.

Tuy nhiên, tại phiên tòa, bà Đ1 thay đổi ý kiến. Bà Đ1 xin được nhận phần thừa kế và tự nguyện tặng cho lại phần thừa kế cho anh Nguyễn Sỹ H2.

Do đó, phần di sản của bà Phan Thị Q1 chia 6 phần bằng nhau bà Nguyễn Thị Thanh C, Nguyễn Thị Thanh C2 (03 người con của bà C2 là Trần Đăng A, Trần Đăng L1, Trần Mai P thế vị chung nhau 1 suất thừa kế của bà C2), bà Nguyễn Thị Đ1, ông Nguyễn Sĩ H1 (03 người con của ông H1 là Nguyễn Sỹ T, Nguyễn Sỹ H2, Nguyễn Thị Q thế vị chung nhau 1 suất thừa kế của ông H1); ông Nguyễn Sỹ T1 (khuyết tật đặc biệt nặng) và bà Nguyễn Thị Thanh Đ.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Thanh C, Anh Trần Đăng A, Trần Đăng L1, Trần Mai P, anh Nguyễn Sỹ T, bà Nguyễn Thị Đào T4 cho phần thừa kế của mình cho anh Nguyễn Sỹ H2.

Như vậy, bà Đ được hưởng 1/6 di sản, anh H2 được hưởng 11/18 di sản và ông T1 được hưởng 1/6 di sản, chị Nguyễn Thị Q được hưởng 1/18 di sản.

Trường hợp diện tích người thừa kế được chia không đủ diện tích tối thiểu để cấp GCNQSDĐ theo quy định của pháp luật thì người được hưởng sẽ phải trích giá trị cho người khác.

- Về chi phí thẩm định, định giá: Đương sự phải chi phí xem xét thẩm định, định giá theo quy định.

- Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 BLTTDS năm 2015 và điểm a khoản 7, Điều 27 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến trình bày của các đương sự tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về Tố tụng:

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bà Nguyễn Thị Thanh C, chị Trần Thị Mai P, anh Trần Đăng L1, anh

Trần Đăng A, chị Hoàng Thị L nhưng bà Nguyễn Thị Thanh C, chị Trần Thị Mai P, anh Trần Đăng L1, anh Trần Đăng A, chị Hoàng Thị L có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên là phù hợp với khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[2] Xác định di sản bà Phan Thị Q1 để lại:

Bà Phan Thị Q1 chết ngày 07/03/1996 tạo dựng được tài sản riêng là quyền sử dụng 292m² đất (200m² đất ở, 92m² đất vườn) tại thửa đất số 612, vị trí: xóm V, xã N, huyện Y, tỉnh Nghệ An được UBND huyện Y cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 112119 ngày 12/09/1996 mang tên bà Phan Thị Q1.

Quá trình đo đạc hiện trạng thửa đất, được chuyển đổi thành thửa đất số 671, tờ BĐ số 08, diện tích đất thực tế 304m²; vị trí: xóm N, xã Y, tỉnh Nghệ An.

Xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc diện tích thực tế thửa đất là 304m².

Các đồng thừa kế thừa nhận 304m² đất tại vị trí: xóm N, xã Y (cũ), tỉnh Nghệ An là tài sản của bà Phan Thị Q1.

UBND xã Y xác định diện tích đo đạc thực tế thửa đất bà Q1 sử dụng để lại tăng thêm 14m² là do đo đạc, thửa đất không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch. Phần diện tích tăng thêm được cấp QSD đất theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Phan Thị Q1 tạo dựng thửa đất số 612 diện tích 292 m² (200m² đất ở, 92m² đất vườn), nay là thửa đất số 671 tờ bản đồ số 08 diện tích thực tế 304 m², vị trí: xóm N, xã Y (cũ), tỉnh Nghệ An đã được UBND huyện Y cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 112119 ngày 12/09/1996 mang tên bà Phan Thị Q1.

Các đồng thừa kế thừa nhận 304m² đất là tài sản của bà Phan Thị Q1.

UBND xã Y xác nhận phần diện tích tăng thêm được cấp QSD đất theo quy định của pháp luật.

Do vậy đủ căn cứ xác định di sản của bà Phan Thị Q1 để lại là 304m² đất tại 671 tờ bản đồ số 08, vị trí: xóm N, xã Y (cũ), tỉnh Nghệ An.

[3] Phân chia di sản theo pháp luật:

Bà Phan Thị Q1 chết, không để lại di chúc.

Bà Q1 có 06 người con là bà Nguyễn Thị Thanh C, bà Nguyễn Thị Thanh C2, bà Nguyễn Thị Đ1, ông Nguyễn Sỹ H3, ông Nguyễn Sỹ T1, bà Nguyễn Thị Thanh Đ.

Bà Nguyễn Thị Thanh C2 chết ngày 28/02/1987. Có 03 người con là chị Trần Thị Mai P, anh Trần Đăng L1, anh Trần Đăng A.

Bà C2 không có bố, mẹ nuôi; không có con nuôi, con riêng.

Ông Nguyễn Sỹ H3 chết ngày 03/09/2019. Có vợ là bà Nguyễn Thị L2 và 03 người con là chị Nguyễn Thị Q, anh Nguyễn Sỹ H2, anh Nguyễn Sỹ T.

Ông H3 không có bố, mẹ nuôi; không có con nuôi, con riêng.

Bố bà Q1 là ông Phan Văn T2, chết ngày 22/01/1954.

Mẹ bà Q1 là bà Nguyễn Thị N, chết ngày 20/10/1938.

Bà Q1 không có bố, mẹ nuôi; không có con nuôi, con riêng.

Bà Q1 không vay, nợ ai.

Nay bà Nguyễn Thị Thanh Đ đề nghị Tòa án chia di sản 304m² đất do bà Phan Thị Q1 để lại theo pháp luật bằng hiện vật.

Bà C, bà Đ1, ông T1, chị P, anh A, anh L1, bà L2, chị Q, anh T và anh H2 cũng nhất trí chia di sản 304m² do bà Q1 để lại theo pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo quy định của pháp luật hàng thừa kế thứ nhất gồm 06 người là bà Nguyễn Thị Thanh C, bà Nguyễn Thị Thanh C2, bà Nguyễn Thị Đ1, ông Nguyễn Sỹ H3, ông Nguyễn Sỹ T1, bà Nguyễn Thị Thanh Đ. Do ông Nguyễn Sỹ H3 chết nên phần di sản ông H3 được hưởng nếu còn sống giao cho vợ, con là bà Nguyễn Thị L2 và 03 con là chị Nguyễn Thị Q, anh Nguyễn Sỹ T, anh Nguyễn Sỹ T1; bà Nguyễn Thị Thanh C2 chết trước bà Q1 nên cháu Nguyễn Thị Mai P1, Nguyễn Đăng A3, Nguyễn Đăng L4 được hưởng phần di sản mà mẹ của cháu được hưởng nếu còn sống.

Di sản của bà Phan Thị Q1 để lại là quyền sử dụng 304 m² đất (200 m² đất ở, 92 m² đất vườn, 12m² đất tăng thêm) tại thửa đất số 671, tờ bản đồ số 08, vị trí: xóm N, xã Y (cũ), tỉnh Nghệ An.

Vợ chồng anh T, chị L và bà L2, anh H2 tự nguyện không yêu cầu trích trả chi phí cho việc bảo quản di sản nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quá trình hòa giải và tại phiên tòa các đồng thừa kế yêu cầu chia di sản theo pháp luật và chia bằng giá trị, bà Nguyễn Thị Thanh Đ yêu cầu chia bằng hiện vật.

Phân chia di sản như sau: Di sản để lại là 304m² đất (200m² đất ở, 92m² đất vườn, 12m² đất tăng thêm) có giá trị 200m² x 1.300.000 đồng + 104m² x 45.000 đồng = 260.000.000 đồng + 4.680.000 đồng = 264.680.000 đồng.

Mỗi người hàng thừa kế thứ nhất được hưởng là 304m² đất (200m² đất ở, 92m² đất vườn, 12m² đất tăng thêm)/6 người = 50,66m² đất (33,33m² đất ở, 15,33 đất vườn, 2m² đất tăng thêm) có giá trị là 264.680.000 đồng/6 = 44.113.333 đồng.

Chị P1, anh A3 và anh L4 được hưởng phần di sản do bà C2 được hưởng để lại là 50,66m² đất có giá trị 44.113.333 đồng.

Bà L2, chị Q, anh T và anh H2 được hưởng phần di sản do ông H3 được hưởng để lại là 50,66m² đất có giá trị 44.113.333 đồng. Mỗi người được hưởng là 12,665m² đất có giá trị 11.028.333 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Các đồng thừa kế thống nhất yêu cầu chia di sản theo pháp luật nên chấp nhận phân chia như sau: Bà Nguyễn Thị Thanh C, bà Nguyễn Thị Đ1, ông Nguyễn Sỹ H3, bà Nguyễn Thị Thanh Đ, bà Nguyễn Thị

Thanh C2, ông Nguyễn Sỹ H3 mỗi người được hưởng là 50,66m² đất có giá trị 44.113.333 đồng.

Chị P1, anh A3 và anh L4 được hưởng phần di sản do bà C2 được hưởng để lại là 50,66m² đất có giá trị 44.113.333 đồng.

Bà L2, chị Q, anh T và anh H2 được hưởng phần di sản do ông H3 được hưởng để lại là 50,66m² đất có giá trị 44.113.333 đồng. Mỗi người được hưởng là 12,665m² đất có giá trị 11.028.333 đồng.

Bà C, bà Đ1, chị P1, anh A3, anh L4, bà L2 và anh T xin nhận phần di sản mình được hưởng và tự nguyện cho anh H2. Anh H2 xin nhận phần di sản Bà C, bà Đ1, chị P1, anh A3, anh L4, bà L2, anh T tặng. Hội đồng xét xử xét thấy Bà C, bà Đ1, chị P1, anh A3, anh L4, bà L2 và anh T hoàn toàn tự nguyện tặng di sản cho anh H2 nên chấp nhận giao phần di sản Bà C, bà Đ1, chị P1, anh A3, anh L4, bà L2 và anh T được hưởng cho anh H2.

Bà Nguyễn Thị Thanh Đ yêu cầu Tòa án chia di sản bằng hiện vật. Hội đồng xét xử xét thấy chia di sản bằng hiện vật bà Đ được hưởng là 50,66m² đất (33,33m² đất ở, 15,33 đất vườn, 2m² đất tăng thêm) nhỏ hơn diện tích tối thiểu tách thửa và cấp GCNQSD đất được quy định tại quyết định số 34/2024/QĐ-UBND của UBND tỉnh N ban hành ngày 30/09/2024; các đồng thừa kế không nhất trí giao thêm đất cho bà Đ và cũng không nhất trí để đồng sở hữu chung vì mâu thuẫn giữa các bên nghiêm trọng nên không thi hành án được; mặt khác bà Đ đã có nhà, đất ở xã Y, tỉnh Nghệ An và nhà, đất ở, phòng trọ ở Thành phố Hồ Chí Minh. Do vậy không chấp nhận yêu cầu của bà Đ chia di sản đều bằng hiện vật là có căn cứ.

Anh H2 là con trai trưởng, cháu nội nên các đồng thừa kế thống nhất giao thừa đất và toàn bộ tài sản gắn liền thừa đất cho anh Nguyễn Sỹ H2 sở hữu, sử dụng nên giao bà Đ, ông T1, chị Q được hưởng di sản bằng giá trị.

Từ các căn cứ trên cần giao cho anh Nguyễn Sỹ H2 được quyền sử dụng 304m² đất (200m² đất ở, 92m² đất vườn, 12m² đất tăng thêm) giá trị 264.680.000 đồng và tài sản khác gắn liền thừa đất. Anh H2 có nghĩa vụ giao giá trị di sản cho các thừa kế được hưởng là: Bà Nguyễn Thị Thanh Đ 44.113.333 đồng; ông Nguyễn Sỹ T1 44.113.333 đồng; chị Nguyễn Thị Q 11.028.333 đồng.

[4] Về án phí:

Yêu cầu của bà Đ được chấp nhận, di sản được chia cho các đương sự nên các đương sự phải nộp án phí dân sự sơ thẩm v/v chia di sản như sau: Bà Nguyễn Thị Thanh C, bà Nguyễn Thị Đ1, ông Nguyễn Sỹ H3, bà Nguyễn Thị Thanh Đ là $44.113.333 \text{ đồng} \times 5\% = 2.205.667 \text{ đồng}$; Chị Trần Thị Mai P, anh Trần Đăng L1 và anh Trần Đăng A là $44.113.333 \text{ đồng} \times 5\% = 2.205.667 \text{ đồng}$; Bà Nguyễn Thị L2, chị Nguyễn Thị Q, anh Nguyễn Sỹ H2 và anh Nguyễn Sỹ T mỗi người là $2.205.667 \text{ đồng} / 4 = 551.417 \text{ đồng}$.

Tuy nhiên Bà Nguyễn Thị Thanh C, bà Nguyễn Thị Đ1, ông Nguyễn Sỹ T1, bà Nguyễn Thị L2 là người cao tuổi và chị Nguyễn Thị Q là người khuyết tật, có

đơn đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm nên Hội đồng xét xử miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà C, bà Đ1, ông T1, bà L2, chị Q.

Tại phiên tòa anh H2 tự nguyện nộp tiền án phí cho chị P, anh A và anh L1, anh T nên Hội đồng xét xử chấp nhận và Buộc anh H2 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 2.205.667 đồng + 551.417 đồng + 551.417 đồng = 3.308.501 đồng.

[5] Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản, chi phí đo đạc là 10.000.000 đồng.

Yêu cầu của bà Đ được chấp nhận, di sản được chia cho các đương sự nên các đương sự phải chịu chi phí tố tụng như sau: Bà Nguyễn Thị Thanh C, bà Nguyễn Thị Đ1, ông Nguyễn Sỹ H3, bà Nguyễn Thị Thanh Đ là 10.000.000 đồng/6 = 1.666.667 đồng; Chị Trần Thị Mai P, anh Trần Đăng L1 và anh Trần Đăng A là 1.666.667 đồng; Bà Nguyễn Thị L2, chị Nguyễn Thị Q, anh Nguyễn Sỹ H2 và anh Nguyễn Sỹ T là 1.666.667 đồng.

Tại phiên tòa anh H2 tự nguyện chịu chi phí tố tụng cho bà C, bà Đ1, ông T1, chị P, anh L1, anh A, bà L2, chị Q, anh T nên Hội đồng xét xử chấp nhận và Buộc anh H2 phải chịu chi phí tố tụng là 8.333.333 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng 612, 613, 618, 623, 650, 651, 652, 658, 660 Bộ luật Dân sự; Điều 236 Luật đất đai năm 2024; Điều 147; Điều 157, 158, 165, 166; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh Đ.

1. Giao anh Nguyễn Sỹ H2 được quyền sử dụng 304 m² đất (200 m² đất ở, 92 m² đất vườn, 12 m² đất tăng thêm) tại thửa đất số 671, tờ BĐ số 08, vị trí: xóm N, xã Y, tỉnh Nghệ An và sở hữu tài sản khác gắn liền với thửa đất (*kích thước, ranh giới, tứ cận theo bản đồ địa chính của thửa đất*).

2. Anh Nguyễn Sỹ H2 có nghĩa vụ giao giá trị phần di sản bà Nguyễn Thị Thanh Đ được hưởng là 44.113.333đ (Bốn mươi bốn triệu, một trăm mười ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng).

3. Anh Nguyễn Sỹ H2 có nghĩa vụ giao giá trị phần di sản ông Nguyễn Sỹ T1 được hưởng là 44.113.333đ (Bốn mươi bốn triệu, một trăm mười ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng).

4. Anh Nguyễn Sỹ H2 có nghĩa vụ giao giá trị phần di sản chị Nguyễn Thị Q được hưởng là 11.028.333đ (Mười một triệu, không trăm hai mươi tám nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng).

5. Các đương sự có trách nhiệm đến Cơ quan chức năng có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

6. Án phí:

Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm chia di sản cho bà Nguyễn Thị Thanh C, bà Nguyễn Thị Đ1, ông Nguyễn Sỹ T1, bà Nguyễn Thị L2, chị Nguyễn Thị Q .

Buộc bà Nguyễn Thị Thanh Đ phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm chia di sản là 2.205.667 đồng. Được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 1.100.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006708 ngày 15/05/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An. Bà Nguyễn Thị Thanh Đ phải nộp tiếp tiền án phí là 1.105.667đ (Một triệu, một trăm linh năm nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng) .

Anh Nguyễn Sỹ H2 phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm chia di sản là 3.308.501 (Ba triệu, ba trăm linh tám nghìn, năm trăm linh một đồng).

7. Chi phí tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Thanh Đ phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản, chi phí đo đạc là 1.666.667đ (Một triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng chi phí bà đã nộp là 10.000.000 đồng.

Buộc ông Nguyễn Sỹ H2 phải chịu tiền chi phí tố tụng là 8.333.333 đồng. Số tiền chi phí tố tụng 8.333.333đ (Tám triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng) ông Nguyễn Sỹ H2 phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thanh Đ tiền tạm ứng chi phí tố tụng đã nộp.

8. Thi hành án, nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

9. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKS ND cùng cấp;
- THA DS tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Lu kết quả;
- Các đồng sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Phan Xuân Thọ